

Bản án số: 78/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2018

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Trâm.

2. Bà Lê Ngọc Trâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **NTE**, sinh năm 1973 – Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: số 31/10B, ấp LB, xã LTN, huyện HT, tỉnh TN.

2. Bị đơn: Anh **VTG**, sinh năm 1972 – Vắng mặt.

Địa chỉ: số nhà 50/5, tổ 13, ấp TH, xã TT, huyện HT, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2018, biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2018, ngày 13/7/2018 và biên bản hòa giải ngày 20/8/2018, nguyên đơn chị NTE trình bày:

Chị NTE và anh VTG bắt đầu chung sống từ năm 1994, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã LTN, huyện HT, tỉnh TN. Anh chị sống chung hạnh phúc một thời gian ngắn, từ khi sinh đứa con đầu lòng, anh G bắt đầu biết uống rượu, mỗi lần say rượu anh G chửi chị E bằng lời lẽ khiếm nhã, nhằm xúc phạm danh dự và đánh đập chị E. Mỗi lần anh G tỉnh rượu, chị E cũng cố gắng khuyên can, anh G không nói gì nhưng sau khi uống rượu, anh G không còn nhớ, tiếp tục chửi chị E và đánh đập chị E, do con còn nhỏ nên chị E cố gắng chịu đựng. Trong quá trình sống chung, anh chị đánh nhau nhiều lần nhưng không gây thương tích. Khi con lớn thì anh G ít đánh chị E vì mỗi lần định đánh thì con bệnh vực chị E, nhiều lần chị E báo chính quyền địa phương thì được hướng dẫn là nộp đơn ly hôn. Từ tháng 07/2017, anh G say rượu dùng lời lẽ xúc phạm chị E và đuổi chị E ra khỏi nhà nên chị E về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng không sống chung từ đó đến nay. Ngày 04/10/2017, chị E nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng anh G không đến làm việc theo giấy mời của Tòa án, đến ngày 12/12/2017, chị E định gả chồng cho con gái nên rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Nay, các con đã lớn và đồng ý cho chị E ly hôn, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên chị E yêu cầu được ly hôn với anh G.

Về con chung: Có 02 con chung gồm cháu VTNN, sinh ngày 08/10/1999 và cháu VTS, sinh ngày 02/02/1994, hiện 02 con chung đã thành niên nên chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh VTG đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, dự phiên họp, hoà giải và dự phiên toà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn. Tuy nhiên, thẩm phán có vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự, kiến nghị rút kinh nghiệm trong thời gian tới.

Về nội dung vụ án: Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NTE đối với anh VTG. Anh chị có 02 con chung tên VTNN, sinh ngày 08/10/1999 và cháu VTS, sinh ngày 02/02/1994 đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Nguyên đơn chị NTE có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh VTG đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị E, anh G là phù hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về hôn nhân:

Xét về quan hệ hôn nhân của chị NTE và anh VTG thấy rằng: Anh chị bắt đầu chung sống từ năm 1994 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LTN, huyện HT nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.

Chị E trình bày: Anh chị sống chung hạnh phúc một thời gian ngắn, từ khi sinh đứa con đầu lòng, anh G bắt đầu biết uống rượu, mỗi lần say rượu anh G chửi chị E bằng lời lẽ khiếm nhã, nhằm xúc phạm danh dự và đánh đập chị E. Mỗi lần anh G tỉnh rượu chị E cũng cố gắng khuyên can, anh G không nói gì nhưng sau khi uống rượu anh G không còn nhớ, tiếp tục chửi chị E và đánh đập chị E, do con còn nhỏ nên chị E cố gắng chịu đựng. Trong quá trình sống chung, anh chị đánh nhau nhiều lần nhưng không gây thương tích. Khi con lớn thì anh G ít đánh chị E vì mỗi lần định đánh thì con bệnh vực chị E, nhiều lần chị E báo chính quyền địa phương thì được hướng dẫn là nộp đơn ly hôn. Từ tháng 07/2017, anh G say rượu dùng lời lẽ xúc phạm chị E và đuổi chị E ra khỏi nhà nên chị E về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng không sống chung từ đó đến nay. Ngày 04/10/2017, chị E nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng anh G không đến làm việc theo giấy mời của Tòa án, đến ngày 12/12/2017, chị E định gả chồng cho con gái nên rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Nay, các con đã lớn và đồng ý cho chị E ly hôn, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên chị E yêu cầu được ly hôn với anh G

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh G nhiều lần để làm việc, hòa giải và tham dự phiên họp, phiên tòa nhưng anh G không đến Tòa án. Tại biên bản xác minh ngày 07/8/2018, công an xã TT xác nhận là vợ chồng chị E, anh G có cãi vã

và anh G thừa nhận có đánh chị E, công an có giải thích và khuyên bảo chứ không có lập biên bản và cũng không có việc xử lý hành chính đối với anh G. Như vậy, có căn cứ khẳng định, trong quá trình sống chung, cuộc sống của chị E và anh G thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng không còn sống chung một thời gian dài, anh G đã không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa chị E và anh G, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị E đối với anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2]. **Về con chung:** Anh chị có 02 con chung tên VTNN, sinh ngày 08/10/1999 và cháu VTS, sinh ngày 02/02/1994, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. **Về tài sản chung:** Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. **Về nợ chung:** Chị E trình bày không có.

[5]. **Về án phí:** Chị E phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NTE đối với anh VTG.

Chị NTE được ly hôn với anh VTG.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu VTNN, sinh ngày 08/10/1999 và cháu VTS, sinh ngày 02/02/1994, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị E trình bày không có.

5. Về án phí:

Chị NTE phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị E đã nộp theo biên lai thu số 00019266 ngày

04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN. Ghi nhận chị E đã nộp xong tiền án phí.

Chị NTE và anh VTG vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng